

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HS-ST
Ngày 22 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Diên
Bà Lý Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Lương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn D (*Tên gọi khác: Lê Quý D*), sinh năm 1975 tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bình T (đã chết) và bà Lê Thị L (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền sự: không;

- Tiền án: 07 tiền án:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 04 ngày 23/3/1995 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 24 tháng tù giam về các tội Trộm cắp tài sản của công dân và tội Cướp giật tài sản của công dân.

+ Bản án số 08/ST ngày 14/3/1997 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 12 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích.

+ Bản án số 50/STHS ngày 21/7/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản của công dân;

+ Bản án số 02/ST ngày 13/3/2001 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 48 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản của công dân;

+ Bản án số 37/2005/HSST ngày 27/09/2005 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 05 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản;

+ Bản án số 04/2006/HSST ngày 27/03/2006 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 03 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án trước của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang là 08 năm tù;

+Bản án số 08/2014/HSST ngày 24/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 04 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 23/7/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

- *Bị hại:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1969; nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1 - Anh Ma Văn H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; (Vắng mặt)

2 - Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/7/2018 Lê Văn D đi từ huyện H lên xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang rồi ngủ qua đêm tại đó. Khoảng 08 giờ ngày 23/7/2018 D một mình đi ra bến đò cũ thuộc thôn V, xã T, huyện B thấy 01 mảng bằng tre dài 9,2 mét, rộng 80 cm (quá trình điều tra, xác minh không xác định được chủ sở hữu tài sản) ở phía bên phải hướng xuôi dòng Sông Lô (hướng Bắc Quang đi Tuyên Quang). Quan sát không thấy có người xung quanh, D lên mảng cởi dây buộc rồi dùng sào chèo mảng xuôi theo dòng sông (mục đích dùng mảng để đi về tỉnh Tuyên Quang). Đến khoảng 11 cùng ngày, khi đi đến khu vực thôn M, xã V, huyện B quan sát thấy tại khu vực suối nước đổ ra Sông Lô ở phía bên trái theo hướng xuôi dòng có 01 chiếc thuyền bằng sắt có chiều dài 06 mét, rộng 1,14 m, cao 50 cm, có gắn động cơ nhãn hiệu Honda loại 6 mã lực, đuôi thuyền quay hướng Sông Lô (thuyền của anh Mai Văn T, trên thuyền có 01 bắt cá loại lồng gấp có 10 ngăn, dài 20 mét). Quan sát không có người trông coi nên D nảy sinh ý định trộm cắp để đem đi bán. D điều khiển mảng sang bên bờ trái cách vị trí buộc thuyền khoảng 30 mét rồi bỏ mảng tại đó, D đi bộ theo bờ sông ra vị trí đậu thuyền. D cởi dây buộc thuyền nhảy lên thuyền rồi dùng sào điều khiển thuyền xuôi theo dòng Sông Lô (hướng đi Tuyên Quang).

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày anh T nhờ Ma Văn H trú cùng thôn ra vị trí buộc thuyền để lấy cá về. Đến nơi không thấy thuyền nên H gọi điện thoại báo

anh T. Phát hiện bị mất thuyền, anh T báo cáo cơ quan chức năng rồi nhờ H điều khiển xe máy đi theo đường Quốc lộ 2 hướng Tuyên Quang – Hà Giang tìm, còn anh T cùng Nguyễn Văn L trú cùng thôn dùng thuyền xuôi theo dòng sông tìm kiếm. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến bến đò thôn K, xã V, huyện B, anh T, anh L phát hiện bắt quả tang D đang điều khiển thuyền của anh T, nên đã báo cáo cơ quan chức năng đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa Lê Văn D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang làm việc.

Ngày 15/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang ban hành Yêu cầu số 34 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang định giá tài sản Lê Văn D đã trộm cắp ngày 23/7/2018.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận:

"- 01 thuyền bằng sắt, vỏ dày 0,3 cm, dài 6 mét, rộng 1,14 cm, cao 50 cm, trọng tải của thuyền là 500 kg, nước sơn đã bị bong. Thuyền gắn máy cole HONDA 6 mã lực, sử dụng nhiên liệu xăng, đã cũ, phần thân vỏ đã bong sơn, một số nhảu mắ đã mắ, dây cót khởi động đã đứt phải buộc lại. Tài sản trên được sử dụng từ tháng 10/2017 và hiện tại vẫn sử dụng bình thường, giá trị còn lại là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

- 10 (mười) lồng bắt cá dài 20 m (loại lưới bát quai), giá trị còn lại là 150.000 đồng/lồng $\times$ 10 lồng = 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng);

- 01 (một) mảng làm bằng 8 cây tre, đường vanh mỗi cây là 30 cm, chiều dài mảng là 9m20, rộng 80 cm, giá trị còn lại là: 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng cộng: 11.750.000 đồng (Mười một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)".

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 44/CT-VKSBQ ngày 25/10/2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Lê Văn D (Tên gọi khác: Lê Quý D) về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lê Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ.

Người bị hại Mai Văn T có ý kiến: về trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án xét xử bị cáo Lê Văn D theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại được tài sản bị mất, quá trình điều tra bị hại Mai Văn T yêu cầu Lê Văn D bồi thường số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền công

tìm kiếm tài sản. Tuy nhiên trước phiên tòa bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn D nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Bị cáo lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa những lỗi lầm đã mắc phải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: tại phiên tòa người bị hại và những người làm chứng vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 292, 293 của BLTTHS năm 2015, xét thấy sự vắng mặt của người bị hại và những người làm chứng không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, vật chứng của vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh xác định hiện trường; biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Quang ngày 28/9/2018; lời khai của người bị hại và những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp của người bị hại Mai Văn T theo biên bản định giá và kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Quang là 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*). Đối với 01 mảng bằng 08 cây tre có giá trị là 250.000 đồng (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*) quá trình điều tra, xác minh không xác định được chủ sở hữu. Tài sản bị cáo trộm cắp trị giá dưới 50.000.000đ^d, tuy nhiên, trước đó tại bản án số 08/2014/HSST ngày 24/3/2014, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã áp dụng tình tiết tăng nặng định khung hình phạt "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lê Văn D 04 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/11/2017, trong khi chưa được xóa án tích bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 23/07/2018. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo lần này vẫn

thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lê Văn D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có nội dung quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

g) Tái phạm nguy hiểm".

Viện kiểm sát huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có 07 tiền án trong đó có 06 tiền án về tội "*Trộm cắp tài sản*", nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Do đó cần áp dụng chế tài nghiêm khắc của pháp luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Mai Văn T đã nhận lại được tài sản bị mất. Quá trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền công tìm kiếm tài sản là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt trước phiên tòa, anh Mai Văn T có ý kiến không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường về dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng đã thu giữ, quá trình điều tra Cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật. Đối với 01 mảng bằng 08 cây tre, đường vanh mỗi cây là 30 cm, chiều dài 9,2 mét, chiều rộng 80 cm. Quá trình điều tra không xác định được chủ sở hữu, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tạm giao cho chính quyền xã V, huyện B bảo quản, khi

có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau theo quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn D (*Tên gọi khác: Lê Quý D*) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn D 04 (*Bốn*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (ngày 23/7/2018).

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn D phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS, bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

